

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐD TT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/12/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về		Ghi chú	
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người		Hàng
1		TD1+RP2+RP3	7:25	14+3+5	0+0+0		14+0+7	0+0+0	
2		ClO+RP1+PVD2	7:25	20+0+2	0+0+0		19+1+2	0+0+0	
3		VSP02+P8+TTC2	9:25	9+11+0	0+0+0		8+8+2	0+0+0	
4		JS2+TD1+TTC1	9:25	4+16+0	0+0+0		5+2+11	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1 NGUOI XNK T T T C 1 C O T H E V E B O Đ E Đ I P 6 V A O N G A Y 2 2 / 1 2



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21-Dec-17	TO: CLO - RP1 - PVD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HỒI - CHIẾN - DKHÁNH	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ANDRIUSHENKO O.A	CLO	04	1	3		123	KHOAN	Russian
2	LE VAN PHU	CLO	10	1	7		75	YTE	Vietnamese
3	NGUYEN DINH SAN	CLO	01	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
4	TO ANH TUAN	CLO	19	1	8		78	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN THANH	CLO	17	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN HUY HUNG	CLO	03	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	LE VAN TUAN	CLO	09	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN VAN DINH	CLO	11	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
9	VU MANH HUNG	CLO	12-13	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN PHON	CLO	06	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
11	LAM XUAN TU	CLO	07	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN VINH	CLO	18	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	ĐẶNG DUY LY	CLO	05	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG VAN SANG	CLO	08	1	4	82	55	KHOAN	Vietnamese
15	TO QUANG TUAN	CLO	22	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	VO HONG DUNG	CLO	14-15	2	15		76	KHOAN	Vietnamese
17	HOANG VAN CHIEN	CLO	16	1	7		95	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN TAP TOAN	CLO	20	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN HONG PHUOC	CLO	02	1	7		70	ANTOAN	Vietnamese
20	NGUYEN HAM HA	CLO	21	1	5		65	DVL	Vietnamese
21	KARPUNIN ALEKSEY	PVD2	48	1	12	60	100	KHOAN	Russian
22	NGUYEN VAN THUC	PVD2	49	1	10		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	20	22	117	1.477	82	19		
2	RP1	0	0	0	0	10	1		
3	PVD2	2	2	22	170	60	2		
TOTAL		22	24	139	1.647	152	22		
WEIGHT KG				139	1.647	152			

GRAND TOAL: 1.938 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/12/2017	TO: TD1 - RP2 - RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Phong - MTHAO - THU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÓ QUANG LỤC	TD1	69-71	3	18		58	KHOAN	Vietnamese
2	ĐOAN CAO DANH	TD1	62-63	2	17		56	KHOAN	Vietnamese
3	TRỊNH QUỐC KHÁNH	TD1	57	1	7		102	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN PHI HÙNG	TD1	65-66	2	7		89	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN NGỌC THAI	TD1	72	1	7		79	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TUƠNG TỬ	TD1	61	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM TẤT LỤC	TD1	64	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN DŨNG	TD1	67	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG SÙNG	TD1	59	1	4		74	ANTOAN	Vietnamese
10	LẠI ĐỨC LAM	TD1	68	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
11	HÀ MINH TUẤN	TD1	73	1	3		61	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT CHUÔNG	TD1	74	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
13	TRỊNH HỮU NGHĨA	TD1	58	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
14	THAI ĐỨC TOÀN	TD1	60	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ THANH THAI	RP2	93-94	2	16	40	95	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN THẾ DŨNG	RP2	91	1	9		58	KHOAN	Vietnamese
17	QUÁCH THẾ ANH	RP2	92	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
18	HÀ VĂN HAI	RP3	83-85	3	16	20	70	BASON	Vietnamese
19	HOÀNG PHI LONG	RP3	86	1	10	40	60	BASON	Vietnamese
20	PHAN DŨNG TIẾN	RP3	87	1	9		63	BASON	Vietnamese
21	NGUYỄN ỨNG THANH NGỌC	RP3	88	1	7		69	BASON	Vietnamese
22	LÊ VĂN CHÂU	RP3	89	1	5		60	BASON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	14	18	90	1.002	0	14		
2	RP2	3	4	33	223	40	0		
3	RP3	5	7	47	322	60	7		
TOTAL		22	29	170	1.547	100	21		
WEIGHT KG				170	1.547	100			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/12/2017	TO: JS2 - TD1 - TTC1	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Hoi - CHIEN - DKHANH	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	RAMZEE BIN KULA	JS2	15-16	2	17		85	KHOAN	MALAY
2	STEPHEN D'CRUZ	JS2	13-14	2	12	12	82	KHOAN	Indian
3	PUTHAMPARAMBU THAKACHEN SHIBU	JS2	12	1	10	75	80	KHOAN	Indian
4	PHAM DOAN HUNG	JS2	01	1	6		50	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM VAN HUNG	TD1	90	1	10		70	NHA THAU	Vietnamese
6	NGUYEN THANH HAI	TD1	87	1	15		76	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI VAN ANH	TD1	85	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG ĐỨC HÀ	TD1	80	1	12		71	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM VAN KY	TD1					68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN CUONG	TD1	86	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN MANH CUONG	TD1					80	KH-THAC	Vietnamese
12	VU ANH TUAN	TD1					72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TIEN DUNG	TD1	76	1	10	20	96	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN VAN TUYET	TD1	75	1	12		67	DVL	Vietnamese
15	LUU DINH TRONG	TD1	84	1	10		76	DVL	Vietnamese
16	CU NGOC HONG	TD1	88-89	2	17		70	DVL	Vietnamese
17	PHAM VAN TUONG	TD1	83	1	10		65	DVL	Vietnamese
18	TRAN QUOC HUONG	TD1	81-82	2	17		90	DVL	Vietnamese
19	TONG TIEN QUANG	TD1	79	1	5		75	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN QUOC HUNG	TD1	77-78	2	12		75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	4	6	45	297	87	5		THAO 01 GHE DOI CHO THUC PHAM
2	TD1	16	16	152	1.213	20	2		
3	TTC1	0	0	0	0	17	10		
TOTAL		20	22	197	1.510	124	17		
WEIGHT KG				197	1.510	124			

GRAND TOAL: 1.831 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/12/2017	TO: VSP02 - P8 - TTC2	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Phong - MTHAO - THỤ	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGỌC TỬ	VSP02	10	1	10	15	60	PSV	Vietnamese
2	THAI VĂN TUẤN	VSP02	15	1	6	40	71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC LANG	VSP02	16	1	10	15	65	T-TIN	Vietnamese
4	NGUYỄN HOÀNG ĐAN	VSP02	13-14	2	15		58	T-TIN	Vietnamese
5	NGUYỄN QUÝ LONG	VSP02	12	1	7		72	PSV	Vietnamese
6	HOANG VAN TRUNG	VSP02	06	1	5		81	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TUẤN	VSP02	09	1	7		76	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	VSP02	07	1	4		65	PSV	Vietnamese
9	LÊ ĐÌNH ĐOÀN	VSP02	08	1	7		65	PSV	Vietnamese
10	TRẦN VĂN SANG	P8	96	1	10	20	70	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN XUÂN MAI	P8	87	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
12	LA VĂN ĐỨC	P8	92-93	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ THANH HÀ	P8	73	1	11		61	XAYLAP	Vietnamese
14	TÀ QUỐC CHÍNH	P8	70-71	2	19		79	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN KIM HƯƠNG	P8	72	1	15		59	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI VĂN THỊNH	P8	49	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐOÀN XUÂN DƯƠNG	P8	50	1	9		61	XAYLAP	Vietnamese
18	BUI ĐÌNH THU	P8	600	1	11		65	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN VIỆT CUÔNG	P8	97-98	2	16		64	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN CÔNG QUYNH	P8	90-91	2	19		69	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN NGỌC ANH	P8					88	VTBIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	9	10	71	613	70	8		
2	P8	11	15	149	808	20	8		
3	TTC2	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		20	25	220	1.421	90	18		
WEIGHT KG				220	1.421	90			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/12/2017

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	410	BK3+TD2	7:25	8+14	0+0		5+17	0+0	CHUYỂN 3 PAX TU BK3-TD2
2	406	BK15+P11	7:25	10+12	0+0		4+18	0+0	
3	420	BK5+BK3+P2	7:25	0+5+15	0+0+0		0+3+19	0+0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ BK5-BK3
4	424	P10	7:25	22	0		22	0	
5	410	P2+RP2	9:25	20+2	0+0		11+11	0+0	
6	406	BK4+BK10+P9	9:25	8+6+7	0+0+0		6+8+8	0+0+0	
7	420	P7+P3+P9	9:25	2+0+20	0+0+0		0+1+21	0+0+0	
8	424	MRM+TD1+P2	9:25	10+0+6	0+0+0		7+0+15	0+0+0	CHUYỂN 9 PAX TU MRM-TD1
9	410	P10+BK15+TTC2	11:25	7+0+4	0+0+0		11+5+6	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
3 NGƯỜI KKV T C LONG SANG BK3 ĐỂ CHUYỂN SANG TD2; 4 NGƯỜI ĐI BK15 VỀ TRONG NGÀY



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/12/2017	TO: BK3 - TD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: ĐỨC - Hạnh - MQUÂN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ TUẤN VIỆT	BK3	42-43	2	17		63	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN TỰ	BK3					75	KH-THAC	Vietnamese
3	LE CÔNG VINH	BK3	45	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM HIẾN TRƯƠNG	BK3	41	1	5	80	62	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI ĐỨC THUẬN	BK3	44	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUANG HUY	BK3	47	1	5		72	DVL	Vietnamese
7	HOANG MINH DUNG	BK3	48-49	2	15		72	DVL	Vietnamese
8	TRẦN ANH TUẤN	BK3	70	1	5		75	DVL	Vietnamese
9	KOSHELEV PAVEL	TD2	85	1	5		90	KHOAN	Russian
10	NGUYỄN VĂN PHONG	TD2					65	KHOAN	Vietnamese
11	ĐỖ NGỌC QUANG	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN CÔNG HIẾN	TD2	80	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
13	PHAN VĂN DIỆP	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
14	LE VĂN XUÂN	TD2	82	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
15	ĐINH NGỌC GIANG	TD2	84	1	7	80	78	KHOAN	Vietnamese
16	DƯƠNG HAI BANG	TD2	81	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	76	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	HOANG XUAN HUY	TD2	75	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN VĂN BÌNH	TD2	78	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
20	LE HUNG CUONG	TD2	79	1	5		98	KHOAN	Vietnamese
21	NINH VAN SON	TD2	77	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
22	TRAN NGOC KHANH	TD2	83	1	3		60	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	8	9	57	559	80	5	3	CHUYEN 03 PAX TU BK3 SANG TD2
2	TD2	14	11	52	1.049	80	17		
TOTAL		22	20	109	1.608	160	22		
WEIGHT KG				109	1.608	160			

GRAND TOTAL: 1.877 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22-Dec-17	TO: BK15 - P11	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - KHÁI - HIẾU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ MINH PHƯƠNG	BK15				30	71	KH-THAC	Vietnamese
2	KUZMENKO	BK15					80	KH-THAC	Russian
3	KAZIKOV	BK15	40	1	4		100	ANTOAN	Russian
4	PODYMOV.D.N	BK15	34	1	7		141	KH-THAC	Russian
5	PHAN QUANG HOANG	BK15	36	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HOANG KHA	BK15	33	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
7	LUU TIEN THANH	BK15	35	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN ANH KHOA	BK15	38	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN NAM	BK15	39	1	7		92	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TRUNG	BK15	37	1	12		81	PSV	Vietnamese
11	CAO MINH HOANG	P11	27	1	5	70	75	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG MẠNH CƯỜNG	P11					67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRƯƠNG NHẬT MINH	P11	34	1	10	19	78	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN CÔNG HOÀNG	P11	35	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
15	MAI CÔNG LAN	P11	28	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN CỎ	P11	31	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI VĂN TUẤN	P11					54	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ ĐĂNG HOANG	P11	29	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN SINH	P11	30	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC TUAN	P11	38	1	10		76	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN VAN HIEN	P11	33	1	4		73	PSV	Vietnamese
22	PHẠM HỮU ANH	P11	32	1	5		59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	10	8	62	852	30	4		
2	P11	12	10	65	809	89	18		
TOTAL		22	18	127	1.661	119	22		
WEIGHT KG				127	1.661	119			

GRAND TOAL: 1.907 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/12/2017	TO: BK5 - BK3 - P2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Hoi - MMinh - NNam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG HÂN	BK3	60-61	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI VĂN THIẾT	BK3	58	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
3	CÚ VIỆT LONG	BK3	59	1	15		72	XAYLAP	Vietnamese
4	HỒ ĐÌNH LỘC	BK3	55	1	5		70	PSV	Vietnamese
5	LÊ LAN PHƯƠNG	BK3	56	1	5	20	55	PSV	Vietnamese
6	PARSHIN	P2	74	1	10		88	KH-THAC	Russian
7	PHẠM VĂN HIỆP	P2	67	1	5		75	PSV	Vietnamese
8	TRẦN THANH LIÊM	P2	78	1	5		70	PSV	Vietnamese
9	PHAN ĐỨC THUẬN	P2	66	1	5		72	PSV	Vietnamese
10	LÊ TRUNG CƯỜNG	P2	75-76	2	10		62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	P2					80	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN ANH ĐỨC	P2	70	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG QUỐC BẢO	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ HỮU NGUYỄN	P2	69	1	5	110	70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐỨC DỤC	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ VĂN CƯỜNG	P2	77	1	5	35	85	KH-THAC	Vietnamese
17	BIÊN ĐĂNG SÂM	P2	72	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN MẠNH UT	P2	73	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ CHÍ HẠO	P2	68	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ ĐÌNH THUẬN	P2	71	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	0	0	0	0	0	0	0	CHUYEN 02 PAX TU BK5 SANG BK3
2	BK3	5	6	52	334	20	3	3	
3	P2	15	13	74	1.059	145	19	19	
TOTAL		20	19	126	1.393	165	22		
WEIGHT KG				126	1.393	165			

GRAND TOAL: 1.684 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22-Dec-17	TO: P10	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: LHai - DKHÁNH - thông - THẢO	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	EVSEEV O.V.	P10	32	1	6	55	98	KH-THAC	Russian
2	TRƯỜNG HỮU PHƯỚC	P10	30	1	10		59	YTE	Vietnamese
3	BADIKOV M.F	P10	33	1	5		68	KH-THAC	Russian
4	TRẦN KIM NGỌC	P10	28	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P10	27	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THẾ HÙNG	P10					80	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG SY NGUYEN	P10	37	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN HƯƠNG	P10	39	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN HỮU TRI	P10	29	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ HUNG THÀNH	P10	41	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN KHÁNH TOÀN	P10	36	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN TAM NHÀN	P10	44	1	2		73	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG VĂN HỘI	P10	38	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
14	LUYỆN VĂN THIỆU	P10	46	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	40	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ QUỐC TIẾN	P10					74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU LONG	P10	43	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐỖ ĐÌNH VĂN	P10	42	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN TRỌNG MẠNH	P10	31	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
20	HUYNH CÔNG VĂN	P10	34-35	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10					85	KH-THAC	Vietnamese
22	TRỊNH XUÂN QUÂN	P10	45	1	4		79	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	22	20	122	1.581	55	22		
TOTAL		22	20	122	1.581	55	22		
WEIGHT KG				122	1.581	55			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22-Dec-17	TO: P2 - RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: ĐỨC - Hạnh - MQUÂN	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN ĐÔNG	P2	700	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG QUANG TÊ	P2	47	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
3	CAO VĂN HỘI	P2	48	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯƠNG THE VINH	P2	31	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THE KHUONG	P2	37-38	2	17		69	KH-THAC	Vietnamese
6	TÔ ĐÌNH TUYẾN	P2	30	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	THAI HOANG TAM	P2	44	1	9	60	70	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG MINH QUÂN	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN QUYẾT CHIẾN	P2	41	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN CHI HƯƠNG	P2	43	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN XUÂN PHONG	P2	88	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ ĐÌNH CUÔNG	P2	93	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM THAI SƠN	P2	90-92	3	18		55	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN LAM	P2	9	1	5		92	ANTOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN LỢI	P2	39-40	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐÀO ĐỨC ĐÔNG	P2	87	1	5		76	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN ANH KIỆT	P2	89	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
18	PHẠM VĂN ĐỨC	P2	42	1	7		75	T-TIN	Vietnamese
19	BUI ĐỨC CHÍNH	P2	45	1	4		65	PSV	Vietnamese
20	PHAN THANH NAM	P2	46	1	8		75	PSV	Vietnamese
21	HÀN TRÍCH GIANG	RP2	03	1	12	45	76	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN ANH HIỆP	RP2	01	1	5	20	70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	20	23	155	1.364	60	11		
2	RP2	2	2	17	146	65	11		
TOTAL		22	25	172	1.510	125	22		
WEIGHT KG				172	1.510	125			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/12/2017	TO: BK4 - BK10 - P9	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - KHÁI - HIẾU	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH BÌNH	BK4	50	1	15	90	60	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VAN TUAN	BK4	49	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
3	IAKHIN	BK4	40	1	10		85	KH-THAC	Russian
4	ĐOAN VAN TRINH	BK4	44	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC BA	BK4	400	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOAN NGUYỄN BAO CHAU	BK4	43	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
7	LUU ĐỨC TUAN	BK4	41-42	2	17	40	80	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ VĂN ĐỨC	BK4	46	1	10	15	65	PSV	Vietnamese
9	SHENSHYN	BK10	79	1	5		101	KH-THAC	Russian
10	TRẦN CÔNG HOAN	BK10	77	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN CHAU NAM	BK10	76	1	7	40	81	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN NGỌC SƠN	BK10	74-75	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN KHUÔNG	BK10	80	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG NHẬT ANH	BK10	78	1	5		60	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG DUNG	P9	97	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	HỒ ĐỨC HIẾN	P9	92	1	8		50	YTE	Vietnamese
17	TRẦN THANH HAI	P9	99	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI NGỌC LONG	P9	96	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ TAM THUY	P9	95	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐÀO VIỆT HAI	P9	98	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ LANG TỬ	P9	93-94	2	8		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	8	9	76	567	145	6		
2	BK10	6	7	39	442	40	8		
3	P9	7	8	42	472	0	8		
TOTAL		21	24	157	1.481	185	22		
WEIGHT KG				157	1.481	185			

GRAND TOAL: 1.823 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/12/2017	TO: P7 - P3 - P9	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Hôi - MMinh - NNam	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ BÁ HÒA	P7	74	1	15	20	76	KH-THAC	Vietnamese
2	VU ĐỨC DŨNG	P7	75	1	9		85	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN XUÂN HUƠNG	P9	53	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	60-61	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRÌNH HUY KHIÊM	P9	63-64	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
6	TRÌNH THÈ NHẬN	P9	57	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TUNG	P9	67	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC TIẾN	P9	56	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HIỆU	P9	59	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	54	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN NGỌC ĐỘ	P9	58	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐÀ KHA	P9	65	1	9	117	80	KH-THAC	Vietnamese
13	HƯA SÂY	P9	66	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC THANH	P9	71-72	2	7		67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT ANH	P9	51	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN NGUYỄN PHONG	P9	52	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ ĐÌNH VU	P9	62	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM DUY QUANG	P9	55	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN CHIÊU	P9	70	1	4		68	PSV	Vietnamese
20	PHẠM CÔNG TUẤN	P9	73	1	4		62	PSV	Vietnamese
21	VƯƠNG THỊ LAN	P9	69	1	4		60	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN HỮU TUYẾT	P9	68	1	2		52	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	2	2	24	161	20	0		
2	P3	0	0	0	0	0	1		
3	P9	20	23	122	1.377	117	21		
TOTAL		22	25	146	1.538	137	22		
WEIGHT KG				146	1.538	137			

GRAND TOAL: 1.821 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/12/2017	TO: MRM - TD1 - P2	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:00
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: L Hải - Khanh - thông - THAO	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	IAREMCHENKO TARAS	MRM	73	1	8		85	KHOAN	Russian
2	EROFEEV DANIIL	MRM	74	1	8		98	KHOAN	Russian
3	BORISOV YURY	MRM	75	1	7		78	KHOAN	Russian
4	LELNIKOV ANDREI	MRM	79	1	12		85	KHOAN	Russian
5	VIRIN ALVIN	MRM	76-77	2	14		95	KHOAN	Russian
6	NGUYEN CONG HOAN	MRM	81	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
7	CHU MINH TIEN	MRM	82	1	2		61	KHOAN	Vietnamese
8	CHU DUY HONG	MRM	83	1	5	53	57	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN THANG	MRM	80	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
10	SAPHONOV	MRM	78	1	8		81	KHOAN	Russian
11	TA QUANG PHUC	P2	91-92	2	8	75	100	PSV	Vietnamese
12	LE ĐỨC CƯỜNG	P2	89	1	5		60	PSV	Vietnamese
13	PHẠM HỒNG VĂN	P2	90	1	4		68	PSV	Vietnamese
14	TRẦN VĂN ĐÀI	P2	88	1	5		69	PSV	Vietnamese
15	TRƯƠNG TRỌNG HẸN	P2	93	1	3		56	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN VAN LOAN	P2	94	1	4		46	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	10	11	75	771	53	7		CHUYEN 9 PAX TU MRM SANG TD1
2	TD1	0	0	0	0	2	0		
3	P2	6	7	29	399	75	15		
TOTAL		16	18	104	1.170	130	22		
WEIGHT KG				104	1.170	130			

GRAND TOAL: 1.404 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/12/2017	TO: P10 - BK15 - TTC2	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:50
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Hạnh - DUONG - MQUÂN	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH BA NINH	P10	54	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC LUU	P10	53	1	6		72	PSV	Vietnamese
3	BUI QUANG RANG	P10					78	PSV	Vietnamese
4	TRAN VIET LY	P10	56	1	3		77	PSV	Vietnamese
5	TRAN VAN MINH	P10	50	1	5		74	PSV	Vietnamese
6	ĐO XUAN CHINH	P10	55	1	6		65	PSV	Vietnamese
7	VU HONG OANH	P10	51-52	2	8		75	PSV	Vietnamese
8	TRAN DUC SON	TTC2	11	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
9	VU MINH DUC	TTC2	49	1	13	122	95	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TIEN QUY	TTC2	48	1	12		77	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH TAM	TTC2	17	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	7	7	32	498	0	11		
2	BK15	0	0	0	0	0	5		
3	TTC2	4	4	47	326	122	6		
TOTAL		11	11	79	824	122	22		
WEIGHT KG				79	824	122			

GRAND TOAL: 1.025 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN